

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và bà Nguyễn Thuý Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị G**, sinh năm 1992; nơi cư trú: **thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

2. Bị đơn: Anh **Phan Thế V**, sinh năm 1990; nơi cư trú: **thôn F, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - chị **Lê Thị G** trình bày:

Chị và anh **Phan Thế V** kết hôn vào ngày 02/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện B, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp, quan điểm sống khác biệt nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra tranh cãi lẫn nhau. Do đó, năm 2020 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng sống ly thân. Chị **G** làm đơn xin ly hôn anh **Phan Thế V** để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là **Phan Anh Đ**, sinh ngày 02/11/2017. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, con sống cùng chị nên sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh **V** cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 02 năm 2025, bị đơn - anh **Phan Thế V** trình bày: Anh và chị **Lê Thị G** đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2016 tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi sống chung với nhau có phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống dẫn đến không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị đã không còn tình cảm và không còn quan tâm gì đến nhau nữa, do đó anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị **G** là vợ chồng có 01 con chung tên **Phan Anh Đ**, sinh ngày 02/11/2017. Sau khi ly hôn, do điều kiện anh thường xuyên đi làm ăn xa nên anh giao chị **G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; anh cấp dưỡng tiền nuôi con cùng với chị **G** mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung của vợ chồng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của chị **Lê Thị G** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết ly hôn đối với anh **Phan Thế V**, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”; anh **V** có nơi cư trú là **thôn F, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh **V** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Phan Thế V**.

[2] Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

Chị **Lê Thị G** và anh **Phan Thế V** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình** ngày 02/02/2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị **G** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chị **G** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh **V**. Tại bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 12/02/2025, anh **V** đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự mong muốn được ly hôn, đã sống ly thân, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **Lê Thị G** được ly hôn anh **Phan Thế V** là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Chị **G** và anh **V** đều thống nhất trình bày có 01 con chung tên là **Phan Anh Đ**, sinh ngày 02/11/2017. Tại phiên tòa và tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh **V**, chị **G** và anh **V** đều giữ nguyên quan điểm giao chị **G** trực tiếp nuôi con **Phan Anh Đ**, anh **V** đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị **G** và anh **V** thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị **G** phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn; anh **V** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh **Phan Thế V**

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị G**, xử cho chị **Lê Thị G** được ly hôn anh **Phan Thế V**.

3. Về quan hệ con chung: Giao chị **Lê Thị G** trực tiếp nuôi dưỡng con **Phan Anh Đ**, sinh ngày 02/11/2017. Anh **Phan Thế V** có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng với chị **G** mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con **Phan Anh Đ** tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Chị **G** và anh **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí vụ kiện:

Chị **Lê Thị G** phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **G** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002810 ngày 06 tháng 02 năm 2025. Chị **G** đã nộp đủ án phí vụ kiện.

Anh **Phan Thế V** phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/3/2025); anh **V** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trạch;
 - **Chi cục THADS huyện B;**
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - Các đương sự;
 - **UBND xã T**
- (GCNKH số: 05/2016, ngày 02/02/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Phương